TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 586/2025/HS-PT
Ngày: 21 - 11 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt;

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Ông Dương Tuấn Vinh.

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Ông Bùi Văn T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 438/2025/TLPT-HS ngày 28 tháng 5 năm 2025, đối với các bị cáo Đỗ Thị Q, Đặng Thị H, Nguyễn Thị Phương H1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 199/2025/HS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đỗ Thị Q (tên gọi khác: không có); giới tính: nữ; sinh ngày 13 tháng 7 năm 1983 tại tỉnh Hưng Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nhân viên thu phí tại Đơn vị thu phí thuộc Bệnh viện T9; cư trú: 149 N, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là A N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); con ông Đỗ Văn Q1 (chết) và bà Đỗ Thị L; hoàn cảnh gia đình: có chồng và 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Đặng Thị H (tên gọi khác: không có), giới tính: nữ; sinh ngày 20 tháng 8 năm 1985 tại tỉnh Hà Tĩnh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; đảng phái: Đảng viên Đ (*Đã bị khai trừ khỏi Đảng*); nghề nghiệp: Nguyên Kế toán trưởng Bệnh viện T9; nơi thường trú: 4 P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: D B, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là D B, phường …, Thành phố Hồ Chí Minh); con ông Đặng Đình P (chết) và bà Lê Thị H2; hoàn cảnh gia đình: có chồng và 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2018; tiền án tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 01/12/2023, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng".

Bị cáo bị bắt tạm giam, tạm giữ trong vụ án khác từ ngày 14/01/2023 (có mặt).

3. Nguyễn Thị Phương H1 (tên gọi khác: không có), giới tính: nữ; sinh ngày 15 tháng 10 năm 1979 tại Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; đảng phái: Đảng viên Đ (*Đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng*); nghề nghiệp: Nguyên Trưởng Đơn vị thu phí Bệnh viện T9; nơi thường trú: 429 Song hành Xa lộ H, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 429 Song hành Xa lộ H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); con ông Nguyễn Phúc H3 và bà Nguyễn Thị T1; hoàn cảnh gia đình: chưa có chồng, con; tiền án tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị H:* Luật sư Nguyễn Tấn T2 - Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt);

Địa chỉ: Văn phòng L3 - Số F đường B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số F đường B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Ngoài ra trong vụ án còn có Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N, Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không liên quan đến việc kháng cáo, nên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Pháp lý của Bệnh viện; quy trình thực hiện thu tiền tại Đơn vị thu phí thuộc Bệnh viện thành phố T

Bệnh viện thành phố T, địa chỉ B P, khu phố E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập trên cơ sở tách ra từ Trung tâm y tế quận T theo Quyết định số 32/2007/QĐ-UBND ngày 23/02/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc thành lập Bệnh viện quận T trực thuộc Ủy ban nhân dân quận T. Bệnh viện quận T9 đổi tên thành Bệnh viện thành phố T9 theo Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 (dưới đây gọi tắt là Bệnh viện T9). Nguyễn Minh Q2 là Giám đốc Bệnh viện T9 trong giai đoạn 2020-2021.

Đơn vị thu phí trực thuộc Phòng Tài chính kế toán được thành lập theo Quyết định số 1782/QĐ-BV ngày 26/11/2019 của Bệnh viện T9, gồm 51 người, trong đó có T3 đơn vị thu phí và 50 thành viên. Đơn vị thu phí có nhiệm vụ: thu tiền viện phí khám chữa bệnh của người bệnh; thực hiện các báo cáo số liệu thu – chi hàng ngày cho Phòng T10; hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người bệnh và người nhà người bệnh trong phạm vi công việc được giao; chịu trách nhiệm việc

sử dụng hóa đơn, sắp xếp, bảo quản và lưu trữ hóa đơn, các chứng từ theo đúng quy định.

Đơn vị thu phí sử dụng phần mềm MQHIS để thực hiện việc thu tiền tạm ứng, thu tiền viện phí; mỗi nhân viên thu phí sẽ được cấp 01 tài khoản gồm tên đăng nhập và mật khẩu. Do đặc thù công việc nên các nhân viên thu phí trong cùng một tổ sẽ biết tài khoản của nhau để thực hiện các công việc như hoàn, hủy hóa đơn do nhân viên của ca trực trước đã thực hiện hoặc khi cần điều chỉnh theo yêu cầu của bác sĩ.

Vào thời điểm năm 2021, Bệnh viện T9 có khoảng 15-22 quầy thu phí hoạt động để thực hiện thu phí của bệnh nhân, cụ thể:

- Quầy chính tại sảnh chính: phân công 01 nhân viên (làm việc theo ca) có nhiệm vụ thu tiền viện phí và chịu trách nhiệm chính về việc nhận tiền của các quầy khác nộp về; lập bảng kê tổng hợp số tiền thu chi trong ngày rồi nộp tiền cho Thủ quỹ tại Phòng Tài chính kế toán; đồng thời, các chứng từ như: biên lai tạm ứng, bảng kê hóa đơn tạm ứng, bảng kê biên lai thu tiền viện phí sẽ nộp về cho Nhân viên thu phí hành chính trực thuộc Phòng Tài chính kế toán để kiểm tra, đối chiếu chứng từ.

- Quầy thanh toán ra viện (quầy phụ) tại sảnh chính: phân công 01 nhân viên (làm việc theo ca) có nhiệm vụ: thu tiền viện phí, hỗ trợ cho nhân viên thu phí quầy chính kiểm tra tiền, đếm tiền.

Các quầy còn lại phân công 01 nhân viên thu phí, có nhiệm vụ thu các loại phí khác như: tiền công khám, phí cận lâm sàng… cuối ca sẽ tổng kết tiền và nộp về cho quầy chính.

Nhân viên thu phí hành chính có trách nhiệm kiểm tra đối chiếu các chứng từ thu chi do các nhân viên thu phí nộp hàng ngày (gồm biên lai tạm ứng, bảng kê hóa dơn tạm ứng, bảng kê biên lai thu tiền viện phí) với sổ tổng hợp viện phí và số liệu trên hệ thống phần mềm MQHIS để lập Bảng tổng hợp chứng từ thu tạm ứng, chi thanh toán ra viện rồi nộp cho Kế toán tiền mặt để kiểm tra, theo dõi. Đồng thời, nhân viên thu phí hành chính có trách nhiệm lưu lại các Biên lai tạm ứng.

Nhân viên kế toán tiền mặt có nhiệm vụ ghi nhận doanh thu và chi phí dựa theo Bảng tổng hợp chứng từ thu chi do nhân viên thu phí hành chính lập hàng ngày, hạch toán lên phần mềm kế toán Misa và lưu các chứng từ gồm bảng kê hóa đơn tạm ứng và bảng kê biên lai thu tiền viện phí. Cuối ngày, phối hợp với Thủ quỹ kiểm tra số tồn quỹ tiền mặt để thực hiện nộp tiền mặt vào tài khoản của Bệnh viện T9.

Thủ quỹ có trách nhiệm kiểm tra Bảng tổng hợp chứng từ thu chi do Nhân viên thu phí hành chính lập với số tiền mặt do nhân viên thu phí nộp về. Sau đó, chuyển Bảng tổng hợp chứng từ thu chi cho Kế toán tiền mặt để thực hiện hạch toán lên phần mềm kế toán tên M và in chứng từ thu, chi để lưu. Cuối ngày, Thủ quỹ và Kế toán tiền mặt sẽ đối chiếu số tồn quỹ tiền mặt, sau đó lập phiếu chi

nộp tiền vào tài khoản của Bệnh viện T11 do nhân viên Ngân hàng đến thu trực tiếp tại Phòng Tài chính kế toán vào lúc 16 giờ hàng ngày.

2. Hành vi vi phạm của các bị cáo

2.1. Hành vi tham ô tài sản của Nguyễn Thị Tuyết N

Nguyễn Thị Tuyết N là nhân viên thu phí thuộc Đơn vị thu phí của Bệnh viện T9. Sau khi thu tiền từ bệnh nhân, N đã chiếm đoạt tiền của Bệnh viện bằng cách thức như sau:

- Tại quầy thanh toán ra viện: N thực hiện việc thu tiền tạm ứng và làm thủ tục thanh toán ra viện cho bệnh nhân; cuối ca làm việc, N tự tổng kết số tiền đã thu tạm ứng, lập bảng kê hóa đơn tạm ứng đã thực thu trong ngày. Sau đó, N giữ lại bảng kê này cùng toàn bộ số tiền đã thu tạm ứng, không nộp về cho bệnh viện.

- Tại quầy chính: N lấy tiền tạm ứng do N thu theo cách thức như khi được phân công làm tại Quầy thanh toán ra viện. Đồng thời, N cũng lấy tiền tạm ứng tại các Quầy thanh toán ra viện nộp về bằng cách giữ lại Bảng kê hóa đơn tạm ứng và tiền thu tạm ứng mà không nộp về cho nhân viên thu phí hành chính và thủ quỹ.

Để che giấu hành vi chiếm đoạt tiền của bệnh viện, N lấy thông tin của các bệnh nhân đã đến khám tại bệnh viện nhưng không nằm viện, sử dụng tài khoản thu phí của N và tài khoản của nhân viên thu phí khác để lập khống các Biên lai thu tạm ứng (thực tế không có thu tiền), sau đó thực hiện chi hoàn ứng (chi thanh toán ra viện), đồng thời ghi số tiền chi thanh toán này và các bảng kê hóa đơn tạm ứng đã giữ lại trước đó vào sổ tổng hợp viện phí để cân đối giữa số tiền thu – chi, nhằm che giấu hành vi lấy tiền.

Trong thời gian từ ngày 12/01/2021 đến ngày 15/7/2021, N chiếm đoạt tổng số tiền là 8.211.923 đồng, phần lớn N nộp tiền mặt vào tài khoản số 67110000403309 mở tại Ngân hàng B1 do Nguyễn Thị Tuyết N làm chủ tài khoản. Sau đó, N sử dụng số tiền này mua quần áo để kinh doanh trực tuyến, thuê dịch vụ quảng cáo bán hàng trên facebook và sử dụng để chi tiêu cá nhân. Trong đó, N nhiều lần chuyển khoản cho cá nhân tên Phan Văn S vào tài khoản số 0441000776013 mở tại Ngân hàng V1 với tổng số tiền 6.943.967.000 đồng để thuê Sáng chạy quảng cáo bán hàng trực tuyến.

2.2. Hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của Đỗ Thị Q, Nguyễn Thị Phương H1 và Đặng Thị H

Đặng Thị H là Kế toán trưởng Bệnh viện T9 kiêm Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán (quyền trưởng phòng), được bổ nhiệm theo Quyết định số 682/QĐ-SNV ngày 08/10/2020 của Giám đốc Sở Nội vụ Thành phố H, thời hạn giữ chức vụ là 05 năm kể từ ngày ký quyết định. Nguyễn Thị Phương H1 là Trưởng Đơn vị thu phí, Đỗ Thị Q là nhân viên thu phí hành chính của Đơn vị thu phí, trực thuộc Phòng Tài chính Kế toán Bệnh viện T9.

Giai đoạn năm 2020-2021, Bệnh viện T9 không ban hành văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của Kế toán trưởng và T3 Đơn vị thu phí; các vị trí này thực hiện công việc chủ yếu theo chỉ đạo của Lãnh đạo Bệnh viện và quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, căn cứ theo bảng phân công nhiệm vụ (tập tin excel) được lưu trữ trên máy vi tính của Phòng tài chính kế toán và quy trình làm việc tại Bệnh viện T9, xác định:

Kế toán trưởng Đặng Thị H có trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động tài chính, kế toán tại Bệnh viện T9; ký duyệt chứng thừ phiếu thu, phiếu chi, tạm ứng, hóa đơn và các chứng từ kế toán khác; giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động, công tác tài chính kế toán của bệnh viện, … Ngoài ra, vai trò, trách nhiệm của Kế toán trưởng được quy định tại Điều 55 Luật Kế toán năm 2015.

Trưởng Đơn vị thu phí Nguyễn Thị Phương H1 có trách nhiệm điều phối hoạt động thu phí; theo dõi công việc, đôn đốc, kiểm tra thực hiện công việc và quản lý nhân sự đơn vị thu phí; giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thu tiền viện phí.

Nhân viên thu phí hành chính Đỗ Thị Q có nhiệm vụ kiểm tra, đối chiếu các chứng từ thu, chi do các nhân viên thu phí nộp về hàng ngày (gồm biên lai tạm ứng, bảng kê hóa đơn tạm ứng, bảng kê biên lai thu tiền viện phí) với sổ tổng hợp viện phí và số liệu thu tạm ứng trên hệ thống phần mềm MQHIS để lập Bảng tổng hợp chứng từ thu tạm ứng, chi ra viện rồi nộp cho nhân viên Kế toán tiền mặt để kiểm tra, theo dõi. Nếu thực hiện đúng quy trình sẽ đảm bảo việc quản lý nguồn thu chặt chẽ, kịp thời phát hiện ra sự chênh lệch về số liệu thu, chi; phát hiện nhân viên thu phí nào chưa nộp tiền về trong ngày và những vấn đề phát sinh liên quan đến việc thu tạm ứng và chi thanh toán ra viện, tránh được những rủi ro và thất thoát tiền cho Bệnh viện T9. Đỗ Thị Q phụ trách công việc "nhân viên thu phí hành chính" từ tháng 7/2015 đến tháng 6/2021.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ 25 "Bảng tổng hợp chứng từ" do Đỗ Thị Q lập vào các ngày Nguyễn Thị Tuyết N có thu tạm ứng, số liệu thu thể hiện trên phần mềm MQHIS nhưng không thực tế nộp các hóa đơn thu tạm ứng và không ghi số liệu vào sổ tổng hợp viện phí để xác định việc thực hiện nhiệm vụ của Đỗ Thị Q trong việc đối chiếu số liệu các ngày này. Kết quả xác định: tại các cột số (4) tính từ trái sang phải của 25 Bảng tổng hợp chứng từ, Q phản ánh tổng số tiền là số liệu từ "Sổ tổng hợp viện phí", để trống cột số (5) có nội dung "sổ" và để trống cột số (6) có nội dung "chênh lệch". Tức thiếu kiểm tra, không ghi nhận số liệu thu trên phần mềm MQHIS và không đối chiếu xác định chênh lệch giữa phần mềm MQHIS với "Sổ tổng hợp viện phí". Đây là nguyên nhân dẫn đến không phát hiện được việc Nguyễn Thị Tuyết N có thu tạm ứng nhưng giữ lại Bảng kê tạm ứng, tiền và không ghi vào Sổ tổng hợp viện phí.

Khi xác định Nguyễn Thị Tuyết N là người giữ lại các bảng kê hóa đơn tạm ứng, Q đã không báo cáo với lãnh đạo Bệnh viện T9 mà tự ý giải quyết, tạo điều kiện cho N thời gian khắc phục, dẫn đến việc N tiếp tục lấy tiền của Bệnh viện đến tháng 7/2021và không còn khả năng hoàn trả, gây thất thoát cho Bệnh viện T9 số tiền 8.211.923.000 đồng.

Theo quy trình làm việc tại Bệnh viện T9, Bảng tổng hợp chứng từ nêu trên do Đỗ Thị Q lập là một chứng từ kế toán, phản ánh nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh và đã hoàn thành, làm căn cứ để nhân viên kế toán tiền mặt thực hiện hạch toán lên phần mềm kế toán Misa. Trên bảng tổng hợp chứng từ, ngoài Đỗ Thị Q ký tên với vai trò người lập, thì Nguyễn Thị Phương H1 – Trưởng đơn vị thu phí ký tên với vai trò là người phụ trách bộ phận.

Mặc dù Nguyễn Thị Phương H1 không có trách nhiệm kiểm tra trực tiếp số liệu trên bảng tổng hợp chứng từ nhưng với vai trò là người phụ trách chung hoạt động của đơn vụ thu phí, có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện công việc của Đỗ Thị Q, đảm bảo các hồ sơ từ đơn vị thu phí chuyển qua bộ phận kế toán đã được thống kê đầy đủ, phù hợp theo quy định.

Điều 18 Luật Kế toán năm 2015 quy định: "người lập, người duyệt và những người khác ký tên trên chứng từ kế toán phải chịu trách nhiệm về nội dung của chứng từ kế toán". Để xảy ra sự việc nhân viên thu phí Nguyễn Thị Tuyết N giữ lại các Bảng kê hóa đơn tạm ứng từ tháng 01/2021 đến tháng 7/2021, chiếm đoạt của Bệnh viện T9 số tiền 8.211.923.000 đồng, là trách nhiệm của nhân viên thu phí hành chính Đỗ Thị Q, do thực hiện không đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, tạo ra sơ hở trong công tác quản lý nguồn thu, dẫn đến không kịp thời phát hiện sự việc Nguyễn Thị Tuyết N chiếm đoạt tiền của Bệnh viện. Ngoài ra, Trưởng đơn vị thu phí Nguyễn Thị Phương H1 và Kế toán trưởng Đặng Thị H với vai trò quản lý, điều hành hoạt động thu phí tại Đơn vị thu phí và hoạt động tài chính kế toán tại Bệnh viện T9, đã không kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện công việc của nhân viên đơn vị thu phí, dẫn đến không kịp thời phát hiện sự việc Nguyễn Thị Tuyết N giữ lại các bảng kê hóa đơn tạm ứng và số tiền thu tạm ứng của các bệnh nhân để chiếm đoạt, gây thất toát cho Bệnh viện T9 số tiền 8.211.923.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị can thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Nguyễn Thị Tuyết N khai nhận hành vi chiếm đoạt tiền của Bệnh viện T9 theo 19 bảng kê hóa đơn tạm ứng với số tiền 8.211.923.000 đồng. Trong đó, N thực thu tạm ứng của các bệnh nhân và nhận tiền thu tạm ứng từ các nhân viên khác số tiền 2.359.723.000 đồng (gồm 721 biên lai tạm ứng); N sử dụng tài khoản "tuyetngatp" và các tài khoản thu phí khác để lập khống các biên lai thu tạm ứng với số tiền 5.852.200.000 đồng (gồm 18 biên lai tạm ứng khống), sau đó chi hoàn ứng để bù vào số tiền đã lấy trước đó. Số tiền chiếm đoạt được N nộp tiền mặt vào tài khoản số 67110000403309 mở tại Ngân hàng B1 đứng tên Nguyễn Thị Tuyết N, sau đó sử dụng cho việc mua quần áo để kinh doanh trực tuyến, thuê dịch vụ chạy quảng cáo bán hàng trên Facebook và sử dụng chi tiêu cá nhân. Trong đó, N nhiều lần chuyển khoản cho cá nhân tên Phan Văn S vào tài khoản số 0441000776013 mở tại Ngân hàng V1 với tổng số tiền 6.943.967.000 đồng để thuê Sáng chạy quảng cáo bán hàng trực tuyến.

Đỗ Thị Q khai: Q là nhân viên thu phí hành chính tại Bệnh viện T9 từ tháng 7/2015 đến tháng 6/2021, có nhiệm vụ kiểm tra, đối chiếu giữa các chứng

từ thu, chi do nhân viên thu phí nộp về hằng ngày với sổ tổng hợp viện phí và số liệu thu tạm ứng trên hệ thống phần mềm MQHIS để lập Bảng tổng hợp chứng từ thu tạm ứng, chi thanh toán ra viện rồi nộp cho nhân viên Kế toán tiền mặt để kiểm tra, theo dõi. Hằng ngày, Q kiểm tra số liệu thu trên phần mềm MQHIS, phát hiện tài khoản Nguyễn Thị Tuyết N (tuyetngatp) và các tài khoản khác (thuthuytp, ngocphuongtp, sontp, mtoantp) có thu tạm ứng vào các ngày 12/01/2021, 07/3/2021, 13/3/2021, 24/3/2021, 25/3/2021, 30/3/2021, 31/3/2021, 06/4/2021, 18/4/2021, 24/4/2021, 17/5/2021, 30/5/2021, 29/6/2021 nhưng không ghi vào sổ tổng hợp viện phí. Do đó, Q không thể hiện số tiền thu tạm ứng vào các ngày này trong Bảng tổng hợp chứng từ do Q lập. Theo đúng quy định thì Q phải lập Bảng tổng hợp chứng từ thể hiện số tiền thu tạm ứng theo số liệu trên phần mềm MQHIS, dù số tiền này không được nhân viên thu phí ghi vào sổ tổng hợp viện phí. Nếu thực hiện như vậy thì Bảng tổng hợp chứng từ do Q lập sẽ bị Kế toán tiền mặt trả về do không khớp số liệu, cụ thể là số liệu trên Bảng tổng hợp chứng từ sẽ cao hơn (nghĩa là nhiều tiền hơn) so với sổ tổng hợp viện phí và số tiền nộp về cho Thủ quỹ hàng ngày.

Thời điểm này, Bệnh viện T9 có chủ trương sử dụng nguồn thu tạm ứng viện phí để chi cho các hoạt động khác của bệnh viện nên Phòng Tài chính kế toán có yêu cầu hằng ngày nhân viên thu phí phụ trách ghi sổ tổng hợp viện phí sẽ căn cứ vào số tiền đã chi để giữ lại các bảng kê hóa đơn tương ứng, gây khó khăn cho Q trong việc theo dõi số liệu thu, chi. Tuy nhiên, với vai trò là nhân viên thu phí hành chính, có trách nhiệm tổng hợp số liệu thu tạm ứng và chi thanh toán viện phí hằng ngày nhưng Q đã không báo cáo kịp thời để xảy ra sự việc Nguyễn Thị Tuyết N giữ lại các bảng kê hóa đơn tạm ứng nhằm chiếm đoạt tiền của Bệnh viện T9, Q nhận thức được bản thân đã thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Nguyễn Thị Phương H1 khai: H1 xác định có ký tên trên Bảng tổng hợp chứng từ do Q lập hằng ngày, tuy nhiên việc ký này là để xác nhận Q đã thực hiện đối chiếu số liệu khớp với kế toán tiền mặt, H1 không chịu trách nhiệm về số liệu trên Bảng tổng hợp chứng từ do không được giao nhiệm vụ này. Đỗ Thị Q với vai trò là nhân viên thu phí hành chính, có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa phần mềm MQHIS với sổ tổng hợp viện phí và các chứng từ do nhân viên thu phí nộp về.

Thời điểm H1 phụ trách đơn vị thu phí (tháng 11/2019), Bệnh viện T9 đã có chủ trương cho các nhân viên thu phí giữ lại Bảng kê hóa đơn tạm ứng để cân đối với số tiền đã chi từ nguồn thu tạm ứng, chủ trương này do ai chỉ đạo thì H1 không rõ. Đến tháng 01/2021, chủ trương này không còn, H1 cũng không nhận được bất kỳ phản ánh nào của Q về việc nhân viên thu phí còn giữ lại Bảng kê hóa đơn tạm ứng. Đối với việc chi tiền từ nguồn thu tạm ứng của Đơn vị thu phí có sổ ghi chép theo dõi, sổ này do H1 giữ, đến khoảng cuối năm 2020 thì giao lại cho Đặng Thị H - Kế toán trưởng quản lý.

- Đặng Thị H khai: Vào tháng 10/2020, H được bổ nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng của Bệnh viện T9. Thời

điểm này, Đỗ Thị Q là nhân viên thu phí hành chính, có nhiệm vụ kiểm tra, đối chiếu số liệu thu, chi giữa phần mềm MQHIS, sổ tổng hợp viện phí và các chứng từ do nhân viên thu phí nộp về hằng ngày để lập bảng tổng hợp chứng từ chuyển cho bộ phận kế toán theo dõi. Nếu làm đúng quy định và báo cáo kịp thời hằng ngày sẽ phát hiện được nhân viên thu phí nào chưa nộp tiền về trong ngày.

Thời điểm H làm Kế toán trưởng, Giám đốc Nguyễn Minh Q2 không chỉ đạo H thực hiện việc chi tiền từ nguồn thu tạm ứng của Đơn vị thu phí. Tuy nhiên, theo H được biết vào thời điểm trước tháng 10/2020, Q2 có mượn tiền từ nguồn thu tạm ứng để chi cho các hoạt động khác của bệnh viện nên có chủ trương cho các nhân viên thu phí giữ lại các Bảng kê hóa đơn tạm ứng để cân đối với số tiền đã chi trong ngày. Đến tháng 01/2021, Q2 đã nộp trả lại tiền cho bệnh viện, từ thời điểm này, H không được nghe ai báo cáo về việc nhân viên thu phí còn giữ lại Bảng kê hóa đơn tạm ứng.

Hiên xác định khi phụ trách vị trí Kế toán trưởng, bản thân biết Bệnh viện T9 có tồn tại tình trạng giữ lại bảng kê nhưng nghe Nguyễn Thị Phương H1 báo cáo tình trạng này đã chấm dứt, H không yêu cầu cung cấp hồ sơ để kiểm tra mà chỉ nhắc nhở H1 (bằng miệng) giám sát chặt chẽ việc thu chi. Khi ký các chứng từ thu chi, H cho rằng số liệu thu chi đã được giao cho từng cá nhân của từng bộ phận nên H chỉ ký mà không tiếp tục kiểm tra. Hiên cũng được quyền truy cập vào phần mềm MQHIS để theo dõi việc thu chi nhưng do lượng công việc lớn, H không thường xuyên truy cập, đối chiếu. Do tại thời điểm Hiên giữ chức vụ Kế toán trưởng, Bệnh viện T9 có nhiều sự vụ, sự việc cấp bách cần giải quyết và chống dịch Covid nên H thừa nhận việc thiếu trách nhiệm để xảy ra tình trạng nhân viên thu phí Nguyễn Thị Tuyết N giữ lại bảng kê hóa đơn, giữ lại tiền và việc nhân viên thu phí hành chính Đỗ Thị Q đối chiếu số liệu không đầy đủ, gây thất thoát cho Bệnh viện T9 số tiền 8.211.923.000 đồng.

- Bệnh viện T9 có văn bản gửi Cơ quan điều tra xác định:

Giai đoạn năm 2020 - 2021, Bệnh viện T9 có sử dụng nguồn thu tạm ứng để chi cho các công việc cần kíp, dẫn đến hằng ngày nhân viên thu phí phải giữ lại các bảng kê hóa đơn tạm ứng tương ứng với số tiền đã chi, việc chi tiền này có sổ ghi chép để theo dõi. Tuy nhiên, do thời gian xảy ra sự việc đã lâu, Bệnh viện T9 có nhiều thay đổi về nhân sự (Nguyễn Minh Q2, Đặng Thị H bị bắt giam trong một vụ án khác), không có nhân sự nào đang làm việc tại Bệnh viện được nhận bàn giao hoặc đang lưu trữ, quản lý tài liệu này nên Bệnh viện T9 không cung cấp được cho Cơ quan điều tra.

Bảng tổng hợp chứng từ thu tiền tạm ứng nằm viện do nhân viên thu phí hành chính Đỗ Thị Q lập là một chứng từ kế toán. Bảng chứng từ được lập sau khi đã nộp tiền về và hạch toán, sẽ là hồ sơ dùng để đối soát số liệu, nếu có sai lệch giữa các hồ sơ các bên sẽ xác minh số liệu để nộp tiền vào tài khoản của Bệnh viện cho thủ quỹ và hạch toán bổ sung (nếu có)… Nguyễn Thị Phương H1 chịu trách nhiệm trên vai trò là người quản lý trực tiếp hoạt động của Đơn vị thu phí và là người đại diện Đơn vị thu phí ký Bảng tổnghợp chứng từ thu tiền tạm

ứng nằm viện, là người xác định hồ sơ từ đơn vị thu phí chuyển qua bộ phận kế toán là đầy đủ, phù hợp theo quy định.

- Nguyễn Minh Q2, nguyên Giám đốc Bệnh viện T9 khai: Tại Điều 4 Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 của B viện T12 quy định "Cuối mỗi ngày làm việc hoặc cuối mỗi ca trực, bộ phận thu viện phí phải nộp ngay số tiền đã thu được cho Thủ quỹ của Phòng Tài chính kế toán. Phòng Tài chính kế toán có trách nhiệm nộp số thu viện phí bằng tiền mặt trong ngày vào Ngân hàng, đảm bảo số tồn quỹ tiền mặt đúng quy định…". Do đó, Q2 xác nhận không có việc Bệnh viện T9 sử dụng nguồn thu tạm ứng hằng ngày của Đơn vị thu phí để chi cho các hoạt động khác của bệnh viện; Q2 cũng không chỉ đạo Đơn vị thu phí giữ lại các Bảng kê hóa đơn tạm ứng để cân đối với số tiền đã chi.

- Nguyễn Hữu H4, nhân viên kế toán tiền mặt khai: Huấn phụ trách công việc kế toán tiền mặt từ năm 2016 đến tháng 3/2021, hằng ngày có nhiệm vụ ghi nhận doanh thu và chi phí dựa theo bảng Tổng hợp chứng từ thu chi do nhân viên thu phí hành chính lập và thực hiện hạch toán lên phần mềm kế toán Misa. Cuối ngày, phối hợp với thủ quỹ kiểm tra số tồn sổ quỹ tiền mặt để thực hiện nộp tiền mặt vào tài khoản của Bệnh viện T9. Việc các nhân viên thu phí có nộp đúng số tiền thu được trong ngày hay không thì H4 không biết được vì trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu chứng từ thu chi thuộc về nhân viên thu phí hành chính.

- Nguyễn Thị Thủy T4, nhân viên kế toán tiền mặt khai: Tiên phụ trách công việc kế toán tiền mặt từ tháng 4/2021 đến tháng 4/2022, hằng ngày có nhiệm vụ ghi nhận doanh thu và chi phí dựa theo bảng Tổng hợp chứng từ thu chi do nhân viên thu phí hành chính lập và thực hiện hạch toán lên phần mềm kế toán Misa. Cuối ngày, phối hợp với thủ quỹ kiểm tra số tồn sổ quỹ tiền mặt để thực hiện nộp tiền mặt vào tài khoản của Bệnh viện T9. Việc các nhân viên thu phí có nộp đúng số tiền thu được trong ngày hay không thì T4 không biết được vì trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu chứng từ thu chi thuộc về nhân viên thu phí hành chính.

- Lê Thị Bích V, Thủ quỹ khai: V phụ trách công việc Thủ quỹ tại Bệnh viện T9 từ tháng 6/2014 đến tháng 9/2021, được giao thực hiện các công việc: Thu tiền mặt từ nhân viên thu phí; thu, chi phát sinh trong ngày (tiền cơm, chi tiền miễn giảm, hỗ trợ bệnh nhân nghèo, nhân viên đi công tác, tổ chức sự kiện….); thu tiền của các trạm y tế trực thuộc bệnh viện và thu, chi tiền bệnh nhân thanh toán cho các khoa. Đối với việc thu tiền mặt từ nhân viên thu phí: hằng ngày, V có trách nhiệm kiểm tra bảng tổng hợp chứng từ thu chi do nhân viên thu phí hành chính lập với số tiền mặt do nhân viên thu phí nộp về. Sau đó, chuyển bảng tổng hợp chứng từ thu chi cho kế toán tiền mặt để thực hiện hạch toán lên phần mềm kế toán. Cuối ngày, có nhiệm vụ nộp số tiền mặt thu được trong ngày vào tài khoản của Bệnh viện T9. Việc các nhân viên thu phí có nộp đúng số tiền thu được trong ngày hay không thì V không biết được vì trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu chứng từ thu chi thuộc về nhân viên thu phí hành chính.

Kết quả làm việc với Nguyễn Thị Thu T5, Lê Ngọc P1, Nguyễn Hồng S1, Nguyễn Mạnh T6 - Nhân viên thu phí: Các cá nhân này có lời khai phù hợp với lời khai của Nguyễn Thị Tuyết N, cụ thể:

+ Nguyễn Thị Thu T5 khai: Ngày 12/01/2021, T5 có thu tạm ứng với tổng số tiền 195.900.000 đồng, cuối ca làm việc đã bàn giao bảng kê hóa đơn tạm ứng và tiền cho Nguyễn Thị Tuyết N. Đến tháng 8/2021, T5 mới biết việc N không nộp số tiền này về cho bệnh viện. Theo quy định của Bệnh viện, nhân viên thu phí phải nộp toàn bộ số tiền thu được trong ngày về cho thủ quỹ, đồng thời ghi số tiền thu tạm ứng vào sổ tổng hợp viện phí. Do N không nộp tiền cho Thủ quỹ nên trên sổ tổng hợp viện phí ngày 12/01/2021 sẽ không thể hiện số tiền T5 đã thu tạm ứng.

+ Nguyễn Mạnh T6 khai: Ngày 06/4/2021, T6 có thu tạm ứng với tổng số tiền 268.850.000 đồng, cuối ca làm việc đã bàn giao bảng kê hóa đơn tạm ứng và tiền cho Nguyễn Thị Tuyết N. Đến tháng 8/2021, T6 mới biết việc N không nộp số tiền này về cho bệnh viện.

+ Lê Ngọc P1 khai: vào các ngày 24/3/2021, 25/3/2021, 18/4/2021, 24/4/2021, 17/5/2021, P1 có thu tạm ứng với tổng số tiền 527.850.000 đồng, cuối ca làm việc đã bàn giao bảng kê hóa đơn tạm ứng và tiền cho Nguyễn Thị Tuyết N. Đến tháng 8/2021, P1 mới biết việc N không nộp số tiền này về cho bệnh viện. Ngoài ra, Nguyễn Thị Tuyết N đã sử dụng tài khoản thu phí của P1 để lập khống 04 biên lai thu tạm ứng với tổng số tiền 1.568.000.000 đồng. Do N không nộp số tiền thu tạm ứng về cho Thủ quỹ nên trên sổ tổng hợp viện phí vào các ngày nêu trên sẽ không thể hiện số tiền Phương đã thu.

+ Nguyễn Hồng S1 trình bày: ngày 15/7/2021, S1 có thu tạm ứng với tổng số tiền 18.575.000 đồng, cuối ca làm việc đã bàn giao bảng kê hóa đơn tạm ứng và tiền cho Nguyễn Thị Tuyết N. Đến tháng 8/2021, S1 mới biết việc N không nộp số tiền này về cho bệnh viện. Ngoài ra, Nguyễn Thị Tuyết N đã sử dụng tài khoản thu phí của S1 để lập khống 04 biên lai thu tạm ứng vào ngày 07/3/2021 và 29/6/2021 với tổng số tiền 844.700.000 đồng.

Phan Văn S - Người được N thuê thực hiện việc chạy quảng cáo bán hàng khai: trong khoảng thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 7/2021, N có liên hệ với Sáng qua facebook để yêu cầu thực hiện một số dịch vụ chạy quảng cáo bán hàng trực tuyến (không ký kết hợp đồng dịch vụ), cụ thể thực hiện các công việc gồm: mua các trang Fanpage có dấu tích xanh (là các trang chính chủ, của những người nổi tiếng được nhiều người quan tâm); thiết kế hình ảnh sản phẩm, quay phim, xây dựng các bài đăng bán hàng, chạy quảng cáo để nhiều người vào xem livestream bán hàng… Trong quá trình thực hiện các dịch vụ nêu trên, N có chuyển khoản cho S số tiền 6.943.967.000 đồng vào tài khoản cá nhân mở tại Ngân hàng V1. Tuy nhiên, Sáng không cung cấp được hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc thực hiện các dịch vụ nêu trên cho Tuyết N do đã chuyển nhượng cho người khác (không rõ người).

Kết quả làm việc với các bệnh nhân bị Tuyết N sử dụng thông tin để lập "khống" các Biên lai thu tiền tạm ứng: Cơ quan điều tra đã làm việc được 06/13 bệnh nhân bị Tuyết N sử dụng thông tin để lập khống các Biên lai thu tạm ứng. Kết quả: 06/13 bệnh nhân này đều xác nhận không có việc nộp, nhận lại tạm ứng số tiền từ hơn 100 triệu đồng đến 450 triệu đồng như các Biên lai thu tạm ứng do Tuyết N lập khống hoặc sử dụng tài khoản của nhân viên thu phí khác để lập khống; 07 cá nhân còn lại gồm: Nguyễn Tấn L1 đã chết; Dương Bá K, Phạm Thị H5, Nguyễn Thị L2 không có mặt tại địa phương; Bạch Đoàn Quốc T7, Võ Trần Hồng A, Lê Thị T8 do không có đầy đủ thông tin địa chỉ nơi cư ngụ nên đến nay Cơ quan điều tra chưa mời làm việc được.

Kết quả giám định, trích xuất dữ liệu

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ viết của Nguyễn Thị Tuyết N trên Sổ tổng hợp Viện phí. Kết quả xác định một số ngày Tuyết N trực có chữ viết của Nguyễn Thị Tuyết N ghi số liệu thu tạm ứng, chi thanh toán ra viện.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký của Đỗ Thị Q, Nguyễn Thị Phương H1 trên 25 "Bảng tổng hợp chứng từ" do Đỗ Thị Q lập. Kết quả xác định các chữ ký thể hiện trong tài liệu giám định do Đỗ Thị Q, Nguyễn Thị Phương H1 ký ra.

Trích xuất dữ liệu trên hệ thống phần mềm thu phí MQHIS thể hiện vào các ngày: 12/01/2021, 07/3/2021, 13/3/2021, 24/3/2021, 25/3/2021, 30/3/2021, 31/3/2021, 06/4/2021, 18/4/2021, 24/4/2021, 17/5/2021, 30/5/2021, 29/6/2021, 14/7/2021, 15/7/2021, các tài khoản thu phí "tuyetngatp, ngocphuongtp, sontp, thuthuytp, mtoantp" có thực hiện thu tạm ứng với tổng số tiền 8.211.923.000 đồng (thông tin bệnh nhân, số hóa đơn, số tiền trùng khớp với 19 bảng kê hóa đơn tạm ứng mà Nguyễn Thị Tuyết N đã giữ lại để chiếm đoạt tiền của Bệnh viện T9).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 199/2025/HS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Thị Q, Đặng Thị H, Nguyễn Thị Phương H1 phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

- Căn cứ điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo **Đỗ Thị Q** 07 (bảy) năm tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

+ Cấm bị cáo Q đảm nhiệm chức vụ liên quan đến lĩnh vực tài chính kế toán trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

- Căn cứ điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Phương H1** 06 (sáu) năm tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

+ Cấm bị cáo H1 đảm nhiệm chức vụ liên quan đến lĩnh vực tài chính kế toán trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

- Căn cứ điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo **Đặng Thị H** 05 (năm) năm tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

Tổng hợp với hình phạt 03 năm 06 tháng tù tại Bản án số 563/2023/HS-ST ngày 01/12/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2023.

Thời gian bị cáo đã chấp hành hình phạt hoặc được giảm án của Bản án số 563/2023/HS-ST ngày 01/12/2023 (nếu có) được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

+ Cấm bị cáo H đảm nhiệm chức vụ liên quan đến lĩnh vực tài chính kế toán trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/4/2025, bị cáo Đỗ Thị Q, Đặng Thị H, Nguyễn Thị Phương H1 có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đỗ Thị Q, Đặng Thị H vẫn giữ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Nguyễn Thị Phương H1 giữ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Bị cáo trình bày kháng cáo yêu cầu xem xét hình phạt cho bị cáo do hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ già không có người chăm sóc, con của bị cáo mới mất. Gia đình bị cáo có người thân tham gia cách mạng.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Đỗ Thị Q, Đặng Thị H, Nguyễn Thị Phương H1 có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Q là nhân viên hành chính , đã không làm đúng trách nhiệm để bị cáo N chiếm đoạt số tiền 8.211.923.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xuất trình thêm được việc khắc phục hậu quả 50.000.000 đồng. Bị cáo H1 thừa nhận phạm tội, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay xuất trình được các tình tiết mới, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xuất trình thêm được việc khắc phục hậu quả cao nhất trong ba bị cáo là 300.000.000 đồng, các giấy khen, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo H xin miễn trách nhiệm hình sự do bị cáo N

dùng thủ đoạn, xuất trình thêm được việc khắc phục hậu quả là 100.000.000 đồng, các công trình khoa học, có chú là liệt sỹ. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm nhẹ đối với bị cáo Q là 6 tháng tù, giảm nhẹ đối với bị cáo H là 1 năm tù, giảm nhẹ cho bị cáo H1 3 năm tù, đồng thời cho bị cáo H1 được hưởng án treo (do đủ điều kiện, đang làm việc tại bệnh viện), thời gian thử thách là 05 năm.

Luật sư T2 trình bày: Bị cáo H có các tình tiết giảm nhẹ như, bị cáo H có công phát hiện ra bị cáo N phạm tội, có thành tích trong học tập và lao động trong quá trình công tác, thành khẩn khai báo, đã tác động gia đình khắc phục hậu quả 100.000.000 đồng, gia đình có công với các mạng. Công đoàn Bệnh viện T9 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị cáo H đồng ý với trình bày của Luật sư và bổ sung thêm về việc đề nghị xem xét cho bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự do bị cáo có nhiều đề tài khoa học, luận văn thạc sỹ của bị cáo là công trình khoa học được triển khai mang lại nhiều lợi ích trong hoạt động của bệnh viện T9. Bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ già không có người chăm sóc, con của bị cáo còn nhỏ. Gia đình bị cáo có người thân tham gia cách mạng.

Bị cáo Q trình bày: Xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ già không có người chăm sóc, con của bị cáo còn nhỏ.

Bị cáo H1 trình bày: Xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ già có nhiều bệnh tật mà không có người chăm sóc. Gia đình bị cáo có người thân được khen thưởng.

Lời nói sau cùng của bị cáo Q: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để lo cho cha mẹ già và con nhỏ.

Lời nói sau cùng của bị cáo H: Bị cáo rất nỗ lực cố gắng để giảm nhẹ thiệt hại, xin được hưởng khoan hồng của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo H1: Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo, bị cáo biết có tội, ăn năn hối hận, xin được giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội làm lại từ đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị cáo bị cáo Đỗ Thị Q, Đặng Thị H, Nguyễn Thị Phương H1 có kháng cáo hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người liên quan, cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở xem xét đánh giá công khai các chứng cứ một cách đầy đủ và toàn diện nhất, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

Đối với bị cáo Đỗ Thị Q là nhân viên thu phí hành chính, khi phát hiện có sự chênh lệch số liệu thu, chi giữa hệ thống phần mềm MQHIS với các chứng từ do nhân viên thu phí nộp và số tổng hợp viện phí (*số liệu thu trên hệ thống MQHIS cao hơn so với chứng từ thực tế*) nhưng trên Bảng tổng hợp chứng từ thu tạm ứng do bị cáo lập lại không ghi nhận đầy đủ số thu tạm ứng trên hệ thống MQHIS mà chỉ căn cứ vào chứng từ do nhân viên thu phí nộp về để đảm bảo việc khớp số liệu với kế toán tiền mặt và số tiền nộp về thủ quỹ. Việc làm của bị cáo đã trái với quy định tại Điều 4 Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 của Bệnh viện T9, tạo ra sơ hở trong công tác quản lý nguồn thu, dẫn đến không kịp thời phát hiện việc bị cáo N chiếm đoạt tiền của Bệnh viện. Ngoài ra, khi biết N là người giữ lại các bảng kê hóa đơn tạm ứng, bị cáo đã không báo cáo với Lãnh đạo Bệnh viện mà tự ý giải quyết, tạo điều kiện cho N có thời gian khắc phục, dẫn đến N tiếp tục lấy tiền của Bệnh viện cho đến tháng 7/2021 và không có khả năng hoàn trả, gây thất thoát cho Bệnh viện T9 số tiền 8.211.923.000 đồng.

Đối với **Nguyễn Thị Phương H1** là Trưởng Đơn vị thu phí nhưng không kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện công việc của Đỗ Thị Q, đồng ý ký xác nhận trên các Bảng tổng hợp chứng từ do Đỗ Thị Q lập khi chưa thống kê đầy đủ các số liệu theo quy định, dẫn đến không kịp thời phát hiện sự việc Nguyễn Thị Tuyết N giữ lại Bảng kê hóa đơn tạm ứng và tiền thu tạm ứng của các bệnh nhân để chiếm đoạt, gây thiệt hại cho Bệnh viện T9 số tiền 8.211.923.000 đồng.

Đối với **Đặng Thị H** là Kế toán trưởng có nhiệm vụ quản lý chung hoạt động tài chính kế toán tại Bệnh viện T9 nhưng không kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động tài chính kế toán tại Bệnh viện, để xảy ra tình trạng nhân viên thu phí giữ lại Bảng kê hóa đơn tạm ứng, tình trạng nhân viên lập các bảng tổng hợp chứng từ không đầy đủ, thiếu sự đối chiếu về mặt số liệu giữa phần mềm thu vào với số liệu do nhân viên thu phí nộp về, tạo sơ hở trong công tác quản lý tài chính, gây thiệt hại cho Bệnh viện T9 số tiền 8.211.923.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Đơn vị thu phí tại Bệnh viện được thành lập theo Quyết định số 1782/QĐ-BV ngày 26/11/2019 với nhiệm vụ thu tiền, báo cáo số liệu thu – chi hàng ngày cho phòng Tài chính kế toán. Tại quyết định này cũng nêu rõ nhân sự của Đơn vị gồm 51 thành viên, trong đó bị cáo Nguyễn Thị Phương H1 giữ vai trò là Trưởng đơn vị, chịu trách nhiệm quản lý chung tại đơn vị này. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ T13 thì "Bảng tổng hợp chứng từ" do bị cáo H1 ký xác nhận là giấy tờ phản ánh nghiệp vụ kinh tế nên đây là chứng từ kế toán theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật Kế toán. Theo đó, người ký chứng từ phải

có trách nhiệm kiểm tra và chịu trách nhiệm về nội dung của chứng từ đã ký là có căn cứ.

Các bị cáo Đỗ Thị Q, Nguyễn Thị Phương H1 và Đặng Thị H đã phạm vào tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

Theo đó, tội phạm do các bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng nên cần phải xử lý nghiêm, cần có một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.2]. Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi lượng hình Hội đồng xét xử sơ thẩm xem xét các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, bị cáo Đỗ Thị Q mặc dù không thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội nhưng đã tự nguyện nộp số tiền 40.000.000 đồng bồi thường một phần cho bệnh viện; bị cáo Nguyễn Thị Phương H1 có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống dịch Covid 19 được Ủy ban nhân dân thành phố tặng bằng khen, có cha tham gia kháng chiến được tặng huân chương kháng chiến hạng nhì, mẹ được tặng huân chương kháng chiến hạng nhất nên xem xét áp dụng cho: Bị cáo Đỗ Thị Q tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng cho bị cáo Nguyễn Thị Phương H1 tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đặng Thị H sau khi phát hiện tội phạm đã có đơn tố giác, trình báo cơ quan quản lý cấp trên, tích cực hợp tác với cơ quan chức năng trong việc cung cấp tài liệu, chứng từ nhằm xác định số tiền chiếm đoạt trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác được UBND thành phố tặng bằng khen, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ

[2.3]. Đối với bị cáo Đặng Thị H, đang chấp hành hình phạt tại Bản án 563/2023/HSST ngày 01/12/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nay lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt. Theo đó, thời gian bị cáo đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

Hành vi của các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng". Do vậy, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử các bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ và đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[2.4]. Về hình phạt:

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.5]. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ngày 22/7/2025, Công đoàn bệnh viện thành phố T9 (Bị hại trong vụ án) có Đơn xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Nội dung đơn, tập thể Công đoàn Bệnh viện thành phố T xin xem xét cho các bị cáo Q, H1, H có hơn 10 năm công tác, tận tâm, luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ, đặc biệt là trong giai đoạn dịch COVID-19 hoành hành, đã thành khẩn khai báo, khắc phục hậu quả, không tư lợi cá nhân nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm thể hiện sự khoan dung và cho các bị cáo cơ hội sửa sai.

[2.5.1]. Bị cáo Q có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và tại phiên tòa phúc thẩm xuất trình thêm được chứng cứ mới để chứng minh, bị cáo có nộp thêm biên lai thể hiện bị cáo đã tự nguyện đóng thêm số tiền để khắc phục hậu quả là 50.000.000 đồng, thể hiện sự ăn năn, hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ mới nên cần áp dụng thêm cho bị cáo Điều 54 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn như cha mẹ già yếu, các con còn nhỏ, mặt khác bị cáo cũng không được hưởng lợi trong vụ án, trong thời gian làm việc luôn hoàn thành tốt công việc được giao. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo về việc giảm hình phạt cho bị cáo.

[2.5.2]. Bị cáo Phương H1 có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo và xuất trình thêm được chứng cứ mới để chứng minh, bị cáo H1 có nộp thêm biên lai thể hiện đã tự nguyện đóng số tiền để khắc phục hậu quả 300.000.000 đồng cho Bệnh viện T9; bị cáo có nộp Đơn xác nhận ngày 09/6/2025 (được UBND phường T xác nhận) về việc gia đình bị cáo luôn chấp hành mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước, nhiều năm được công nhận gia đình văn hóa. Bị cáo H1 hiện nay độc thân ở với cha mẹ đã lớn tuổi (cha bị cáo sinh năm 1939, mẹ bị cáo sinh năm 1948), cha mẹ của bị cáo có nhiều bệnh lý, bệnh nền và bị cáo là lao động chính trong gia đình, anh chị em ruột của bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo H1 có nộp Đơn xác nhận ngày 09/9/2025 (được Bệnh viện thành phố T9 xác nhận) về việc luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ và tham gia các phong trào trong Bệnh viện; Từ ngày 21/02/2025, bị cáo H1 bị khởi tố cho đến nay vẫn đang tiếp tục công tác tại Bệnh viện với công việc được giao, luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách, nội quy lao động tại nơi làm việc. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo H1 06 năm tù là có căn cứ, tuy nhiên bị cáo H1 không vì động cơ vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác, không được hưởng lợi, đồng thời có nhiều cống hiến, khen thưởng trong thời kỳ dịch COVID-19 hoành hành. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có tự nguyện khắc phục thêm 300.000.000 đồng thể hiện sự ăn năn, hối cải và hoàn cảnh của bị cáo, của gia đình của bị cáo như đã phân tích ở trên, đây là tình tiết giảm nhẹ mới nên cần áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo. Xét thấy, bị cáo H1 có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ

ràng, có nơi làm việc ổn định và có khả năng tự cải tạo, không cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù do bị cáo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự xã hội. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo về việc giảm hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

[2.5.3]. Bị cáo H có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và tại phiên tòa phúc thẩm xuất trình thêm được chứng cứ mới để chứng minh, bị cáo H có nộp thêm biên lai thể hiện đã đóng số tiền để khắc phục hậu quả 100.000.000 đồng cho Bệnh viện T9. Bị cáo có nộp các công trình khoa học của bị cáo được áp dụng trong công việc tại Bệnh viện thành phố T, gia đình có chú ruột là liệt sỹ, có công với cách mạng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có tác động gia đình tự nguyện khắc phục hậu quả thêm 100.000.000 đồng thể hiện sự ăn năn, hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ mới nên cần áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, các con của bị cáo còn nhỏ và bị cáo có nhiều đóng góp cải tiến trong công việc, cũng như không được hưởng lợi trong vụ án. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo về việc giảm hình phạt cho bị cáo.

[3]. Quan điểm của Kiểm sát viên được chấp nhận một phần.

[4]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Đỗ Thị Q, Đặng Thị H, Nguyễn Thị Phương H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 và Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị Q, Đặng Thị H, Nguyễn Thị Phương H1; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 199/2025/HS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Thị Q, Đặng Thị H, Nguyễn Thị Phương H1 phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

- Căn cứ điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo **Đỗ Thị Q** 04 (bốn) năm tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

+ Cấm bị cáo Q đảm nhiệm chức vụ liên quan đến lĩnh vực tài chính kế toán trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

- Căn cứ điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Phương H1** 03 (ba) năm tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao Nguyễn Thị Phương H1 cho Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

+ Cấm bị cáo H1 đảm nhiệm chức vụ liên quan đến lĩnh vực tài chính kế toán trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

- Căn cứ điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo **Đặng Thị H** 03 (ba) năm tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

Tổng hợp với hình phạt 03 năm 06 tháng tù tại Bản án số 563/2023/HS-ST ngày 01/12/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2023.

Thời gian bị cáo đã chấp hành hình phạt hoặc được giảm án của Bản án số 563/2023/HS-ST ngày 01/12/2023 (nếu có) được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

+ Cấm bị cáo H đảm nhiệm chức vụ liên quan đến lĩnh vực tài chính kế toán trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

2. Tiếp tục tạm giữ số tiền 300.000.000 đồng do bị cáo Nguyễn Thị Phương H1 nộp, số tiền 100.000.000 đồng do bị cáo Đặng Thị H nộp và số tiền 50.000.000 đồng do bị cáo Đỗ Thị Q nộp để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N (lần lượt theo các biên lai thu tiền: số 0002194 ngày 07/8/2025; số 0001909 ngày 05/8/2025 và số 0001425 ngày 28/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H).

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án DS TP. Hồ Chí Minh;
- Trại Tạm giam T17;
- UBND phường Phước Long;
- UBND phường Thủ Đức;
- Các bị cáo;
- Lưu: HS, VP (TVN).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt